

LD VIETSOVPETRO  
TRƯỞNG BAN ĐDIT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

**KẾ HOẠCH BAY NGÀY 13/11/2025**

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+BK16+BK6	7:25	21+0+0	0+0+0		16+5+0	0+0+0	chuyen 2 bk16- bk6
2		P9+TD2+TD5	7:25	16+2+2	0+0+0		13+0+9	0+0+0	
3		SAVR+RP1+RC4	9:25	14+5+1	0+0+0		13+7+0	0+0+0	chuyen 1 RP1- RC4
4		RP1+CTK3+RC3	9:25	8+13+0	0+0+0		4+13+4	0+0+0	

TTBDSX



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P9 - BK16 - BK6	CREW: VTHANG - N.ANH - THANH	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4490	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYEN TUNG DUONG	P9	25	1	8			58	ANTOAN	Vietnamese
2	TRUONG QUYET THANG	P9	76	1	12			76	KH-THAC	Vietnamese
3	VU THAI THANH	P9	81-82	2	18			78	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN QUOC HUNG	P9	75	1	16			94	KH-THAC	Vietnamese
5	LE QUANG DAO	P9	77-78	2	19			79	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI THANH SON*	P9	79-80	2	15			59	THIEN NAM	Vietnamese
7	DO VAN LINH	P9	19	1	8			77	THIEN NAM	Vietnamese
8	VO HUY TRONG	P9	62	1	6			67	THIEN NAM	Vietnamese
9	PHAN VAN HUNG	P9	71	1	8			62	THIEN NAM	Vietnamese
10	NGO VAN THUC	P9	65-66	2	19			71	THIEN NAM	Vietnamese
11	LAKAS ABDELMADJID	P9	72	1	10			74	THIEN NAM	Algeria
12	HICHAM KHOULED	P9	69-70	2	10			80	THIEN NAM	Algeria
13	NGUYEN THANH NAM	P9	83-84	2	10			58	THIEN NAM	Vietnamese
14	VU PHUC LINH	P9	24	1	5			64	THIEN NAM	Vietnamese
15	VO THANH NHON	P9	27	1	10	1	20	62	THIEN NAM	Vietnamese
16	LE VAN HAO	P9	26	1	6			75	THIEN NAM	Vietnamese
17	CAO VAN TAN	P9	67-68	2	10			70	THIEN NAM	Vietnamese
18	TRAN DINH MANH	P9	63-64	2	8			59	THIEN NAM	Vietnamese
19	DANG VAN CUONG	P9	21	1	8			57	THIEN NAM	Vietnamese
20	VU NGOC DIEP	P9	22-23	2	10			72	THIEN NAM	Vietnamese
21	NGUYEN DUC HAI	P9	73-74	2	12			50	THIEN NAM	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	21	1.442	31	228	1	20	16		
2	BK16	0	0	0	0	1	20	5 + 2	CHUYEN 02 PAX TU BK16 SANG BK6	
3	BK6	0	0	0	0	1	20	0		
<b>TOTAL</b>		<b>21</b>	<b>1.442</b>	<b>31</b>	<b>228</b>	<b>3</b>	<b>60</b>	<b>21</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.442</b>		<b>228</b>		<b>60</b>			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.

NGUYEN THUC HA

VNHS REP.

DINH THI HOA

CREW

NGO VAN THANG  
NGHIEM VIET ANH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: P9 - TD2 - TD5	CREW: HÙNG - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM25/4492	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LÊ VĂN ĐỨC	P9	56-57	2	13			63	SGC	Vietnamese
2	HOANG QUỐC VĂN	P9	52-53	2	19			60	SGC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN NAM - CN	P9	51,99	2	20	1	19	70	DVL	Vietnamese
4	THAN VĂN KIÊN	P9	43	1	14			69	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC TUẤN	P9	49-50	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐẠO MINH TIÊN	P9	36	1	14	1	10	67	XAYLAP	Vietnamese
7	HA MẠNH CƯỜNG	P9	37,40	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY GIANG	P9	46-47	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN CÔNG THANH	P9	61	1	10	1	15	88	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH KHANH	P9	26,253-254	3	20			55	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAN DUY NGỌC	P9	44-45	2	14			58	XAYLAP	Vietnamese
12	NGÔ ĐÌNH THĂNG	P9	48	1	16			65	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TUẤN ANH	P9	41-42	2	16			84	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ VĂN VIỆT	P9	58	1	4			81	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU PHƯỚC	P9	55	1	4			62	PSV	Vietnamese
16	HỒ TRỌNG TÂN	P9	59	1	5			85	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	TD2	60	1	5			84	KHOAN	Vietnamese
18	HA TRUNG ĐÔNG	TD2	61	1	10			81	KHOAN	Vietnamese
19	ĐỖ HOÀI THANH	TD5	41	1	5	1	9	77	DVL	Vietnamese
20	BUI BẠCH DƯƠNG	TD5	40	1	14	3	42	71	DVL	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	16	1.109	26	223	3	44	13		
2	TD2	2	165	2	15	0	0	0		
3	TD5	2	148	2	19	4	51	9		
<b>TOTAL</b>		<b>20</b>	<b>1.422</b>	<b>30</b>	<b>257</b>	<b>7</b>	<b>95</b>	<b>22</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.422</b>		<b>257</b>		<b>95</b>			

GRAND TOAL: 1.774 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO:SAVR- RP1 - RC4	CREW: VTHANG - N.ANH - THÀNH	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4491	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	KRAVNIKOV A.	SAVR	53	1	13			141	AMNG	Russian
2	ZHESTKOV I.	SAVR	60	1	11			115	AMNG	Russian
3	GOLOVIN K.	SAVR	54	1	11			111	AMNG	Russian
4	PODGOROV I.*	SAVR	55	1	13			80	AMNG	Russian
5	NIKOLAEV O.*	SAVR	61-62	2	14			88	AMNG	Russian
6	PHAM VAN AN	SAVR	48-49	2	10			69	AMNG	Vietnamese
7	LE HUY DIEP	SAVR	50	1	9	1	20	55	AMNG	Vietnamese
8	DO LE SON	SAVR	51-52	2	23			78	XAYLAP	Vietnamese
9	TRAN VAN VIET	SAVR	58-59	2	12			68	PSV	Vietnamese
10	NGUYEN HOANG LONG	SAVR	67	1	11			85	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN NHU Y	SAVR	47	1	8			73	KHOAN	Vietnamese
12	SEFERBEKOV A.	SAVR	63-65	3	18			76	KHOAN	Russian
13	GUKOV I	SAVR	56-57	2	17			98	KHOAN	Russian
14	PHUNG QUỐC VIỆT	RP1	93	1	16			83	XAYLAP	Vietnamese
15	VÔ VĂN HIỆP	RP1	94-95	2	18			72	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG THOA	RP1	900	1	14	1	8	68	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG KHÁC CƯỜNG	RP1	02	1	11	1	10	68	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN PHU NAM	RP1	01	1	11			62	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ VĂN MẠNH	RC4	84	1	6			76	KH-THAC	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	SAVR	13	1.137	20	170	1	20	13		
2	RP1	5	353	6	70	2	18	7+1		CHUYEN 1 PAX RP1-RC4
3	RC4	1	76	1	6	0	0	0		
<b>TOTAL</b>		<b>19</b>	<b>1.566</b>	<b>27</b>	<b>246</b>	<b>3</b>	<b>38</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.566</b>		<b>246</b>		<b>38</b>			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

LẠI HỒNG ĐIỆP

CREW

NGÔ VĂN THẮNG  
NGHIÊM VIỆT ANH





# FLIGHT MANIFEST



DATE: 13/11/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
B.CARD: VANG-2	TO:RP1 - RC3 - CTK3	CREW: HÙNG - HTRUNG - DTÙNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4493	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYEN TUAN ANH	RP1	15-16	2	16			76	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYEN VAN TAI	RP1	12	1	15			74	XAYLAP	Vietnamese
3	DO XUAN HIEP	RP1	03-04	2	20			75	XAYLAP	Vietnamese
4	LE VIET HUY	RP1	13-14	2	14			62	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM VAN LONG	RP1	11	1	11			66	XAYLAP	Vietnamese
6	LE VAN KHANH	RP1	09-10	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese
7	TRAN BA QUY	RP1	01	1	11	1	12	73	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN CONG QUYNH	RP1	07-08	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
9	VO HOANG HAI	RP1	05-06	2	20			68	XAYLAP	Vietnamese
10	ĐAM HUY TRUNG	CTK3	53-54	2	20			60	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐÌNH PHU	CTK3	55-56	2	12			71	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
12	ĐAO AN TUẤN	CTK3	68	1	11			50	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC THỊNH	CTK3	66-67	2	13			53	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN MẠNH TÙNG	CTK3	64-65	2	19	3	27	75	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM THANH HAI**	CTK3	72	1	6			64	KTHAC	Vietnamese
16	BUI TIEN DUNG	CTK3	61	1	9			69	KTHAC	Vietnamese
17	NGUYEN TUAN DAT	CTK3	62-63	2	8			85	KTHAC	Vietnamese
18	TRAN VIET TUAN	CTK3	52	1	7			62	BIENDONG	Vietnamese
19	NGUYEN QUANG VINH	CTK3	49	1	6			66	BIENDONG	Vietnamese
20	LE VAN MINH	CTK3	57-58	2	16			53	BIENDONG	Vietnamese
21	NGUYEN VAN KIEU	CTK3	50-51	2	15			70	BIENDONG	Vietnamese
22	NGUYEN HUU MINH	CTK3	59-60	2	17			62	BIENDONG	Vietnamese

## FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP1	9	626	15	147	1	12	4		
2	RC3	0	0	0	0	0	0	4		
3	CTK3	13	840	21	159	3	27	12		
<b>TOTAL</b>		<b>22</b>	<b>1.466</b>	<b>36</b>	<b>306</b>	<b>4</b>	<b>39</b>	<b>20</b>		
<b>WEIGHT KG</b>			<b>1.466</b>		<b>306</b>		<b>39</b>			

GRAND TOAL: 1.811 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐẶNG THỦY ANH

CREW

LÊ QUÝ HÙNG

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG